

UNIT 1: GREAT PLACES TO BE

THE WORLD'S FRIENDLIEST CITY (p.8+9)

	VOCABULARY	PARAPHRASE	MEANING
1	(n.p)		phong cảnh ngoạn mục / kỳ vĩ
2	 (n)	population	cư dân
3	 (n)		tỉ lệ tội phạm
	 (n)		tội phạm
	crime (n)		tội ác
4	 (n)	the way of life	lối sống
5	psychologist (n)		
6	social (a)		thuộc về xã hội
	(n)		xã hội
7	study (v,n)		ngiên cứu
8	carry out (v)	(v)	thực hiện
9	have for...	be famous for be (well)-known for	nổi danh, nổi tiếng
10	be	have little / few	thiếu hụt
11	 (v)	don't pay attention to... don't focus / concentrate on	làm lơ / không tập trung, không chú ý tới
12	 (a)	very good great wonderful fantastic	tuyệt vời
13	 (n)	standard of living quality of life	mức sống
14	very (adv)	incredibly really	
15	a lot / lots of	large amount of	nhiều
16	chance (n)		cơ hội